TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C M** TỈNH A GIAG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 5 - 2024
V/v *tranh chấp ly hôn*

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C M, TỈNH A GIAG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quag Thah.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn H;

2. Bà Phạm Xuân Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Liễu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C M, tỉnh A Giag.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C M, tỉnh A Giag tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2024/QĐXX-ST ngày 27 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Ngọc X, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp Long Hòa 2, xã Long K, huyện C M, tỉnh A Giag, (có đơn xin vắng mặt);

- *Bị đơn*: Ông Lê Văn H, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp Long Hòa 2, xã Long K, huyện C M, tỉnh A Giag, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc X *trình bày*: Bà và ông Lê Văn H tìm hiểu và tiến tới hôn nhân năm 2003; vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định, vợ ch sống chung hạnh phúc đến khoảng tháng 11 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng qua điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không còn sống chung từ tháng 11

năm 2023 đến nay. Nay, nhận thấy tình cảm vợ ch không còn, không thể hàn gắn nên bà xin ly hôn với ông Lê Văn H.

- *Về qua hệ con chung*: Có 02 con chung tên Lê Phú Hiển, sinh ngày 01/10/1996 và Lê Thị H Gấm, sinh ngày 06/01/2004, hiện đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về qua hệ tài sản chung*: Không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

- *Về qua hệ nợ chung*: Bà X trình bày không có nợ chung.

Bị đơn ông Lê Văn H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông H không gửi văn bản nêu ý k của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc X.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu qua điểm: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Ngọc X đối với ông Lê Văn H.

- *Về qua hệ hôn nhân*: Bà Lê Thị Ngọc X được ly hôn với ông Lê Văn H.

- *Về qua hệ con chung*: Có 02 con chung tên Lê Phú Hiển, sinh ngày 01/10/1996 và Lê Thị H Gấm, sinh ngày 06/01/2004, hiện đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về qua hệ tài sản chung*: Không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

- *Về qua hệ nợ chung*: Bà X trình bày không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả trah tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc X có đơn xin vắng mặt; bị đơn ông Lê Văn H đã được Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng hôm nay ông H vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà X và H là có căn cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Bà Lê Thị Ngọc X khởi kiện vụ án trah chấp về ly hôn với ông Lê Văn H. Ông H có nơi cư trú trên địa bàn huyện C M, tỉnh A Giag. Căn cứ vào các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nên Tòa án nhân dân huyện C M thụ lý giải quyết là đúng theo thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Lê Thị Ngọc X và ông Lê Văn H xác lập qua hệ vợ ch và chung sống với nhau vào năm 2003; ông, bà có đăng ký kết hôn

theo quy định của pháp luật nên hôn của ông bà là hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, trong cuộc sống chung vợ ch ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, theo bà X trình bày mâu thuẫn phát sinh từ việc vợ ch không tôn trọng nhau, tính tình không hợp, trong thời gia chung sống thường xảy ra bất hòa, cả hai đã cố gắng tìm cách hàn gắn vẫn không thể nào chung sống với nhau và đã không còn chung sống với nhau từ tháng 11 năm 2023 đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Lê Thị Ngọc X xin ly hôn, do cuộc sống chung vợ ch không được hạnh phúc, vợ ch không còn sống chung đến nay là một khoảng thời gia dài, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Ngọc X.

- *Về qua hệ con chung*: Có 02 con chung tên Lê Phú Hiển, sinh ngày 01/10/1996 và Lê Thị H Gấm, sinh ngày 06/01/2004, hiện đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về qua hệ tài sản chung*: Bà Lê Thị Ngọc X khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

- *Về qua hệ nợ chung*: Ghi nhận bà X, ông H trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà X, ông H trong thời kỳ hôn nhân thì bà X, ông H vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào,

- Các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Các Điều 28, 35, 146, 147, 212, 213, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ba thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1) Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc X.

2) *Về qua hệ hôn nhân*: Bà Lê Thị Ngọc X được ly hôn với ông Lê Văn H.

3) *Về qua hệ con chung*: Có 02 con chung tên Lê Phú Hiển, sinh ngày 01/10/1996 và Lê Thị H Gấm, sinh ngày 06/01/2004, hiện đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4) *Về qua hệ tài sản chung*: Bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xét đến.

5) Ghi nhận bà X, ông H trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà X, ông H trong thời kỳ hôn nhân thì bà X, ông H vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

6) *Về án phí*: Bà Lê Thị Ngọc X phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm nộp án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0015022 ngày 15/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh A Giag. Bà Lê Thị Ngọc X đã nộp đủ.

Ông Lê Văn H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

7) *Về quyền kháng cáo:* Bà Lê Thị Ngọc X và ông Lê Văn H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAD tỉnh A Giag;
- VKSND huyện C M;
- Chi cục THADS huyện C M;
- UBND Long K, huyện C M, tỉnh A Giag;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Quag Thah

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH A GIAG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

C M, ngày 03 tháng 5 năm 2024

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về vụ án: về tranh chấp "ly hôn" giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Ngọc X, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp Long Hòa 2, xã Long K, huyện C M, tỉnh A Giag;

- *Bị đơn*: Ông Lê Văn H, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp Long Hòa 2, xã Long K, huyện C M, tỉnh A Giag.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quag Thah.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn H;

2. Bà Phạm Xuân Đào.

NỘI DUNG

Sau khi thảo luận, biểu quyết Hội đồng xét xử thống nhất 3/3 tất cả các nội dung sau:

Căn cứ vào,

- Các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Các Điều 28, 35, 146, 147, 212, 213, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ba thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1) Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc X.

2) *Về qua hệ hôn nhân*: Bà Lê Thị Ngọc X được ly hôn với ông Lê Văn H.

3) *Về qua hệ con chung*: Có 02 con chung tên Lê Phú Hiển, sinh ngày 01/10/1996 và Lê Thị H Gấm, sinh ngày 06/01/2004, hiện đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4) *Về qua hệ tài sản chung*: Bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xét đến.

5) Ghi nhận bà X, ông H trình bày không có nợ chung. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà X, ông H trong thời kỳ hôn nhân thì bà X, ông H vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

6) *Về án phí*: Bà Lê Thị Ngọc X phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm nộp án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0015022 ngày 15/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh A Giag. Bà Lê Thị Ngọc X đã nộp đủ.

Ông Lê Văn H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

7) *Về quyền kháng cáo:* Bà Lê Thị Ngọc X và ông Lê Văn H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Trần Quag Thah